

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH ĐN**

Bản án số: 271/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2021.

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BH – TỈNH ĐN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Kim K

2. Ông Trần Văn C

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BH tham gia phiên tòa: Trần Thị T.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: 59/65A, tổ 13, khu phố 1, phường QV, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Ông Đinh Trọng H1, sinh năm 1986

Địa chỉ: 59/65A, tổ 13, khu phố 1, phường QV, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Bà H, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2021, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Đinh Trọng H1 tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CĐ, huyện ĐH, tỉnh PT. Trong quá trình chung sống, bà và ông H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay

cãi nhau, hiện nay đã sống ly thân từ tháng 6/2020. Nay bà thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H1, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 01 (một) con chung là cháu Đinh Trọng Hoài N1, sinh ngày 01/02/2010. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đinh Trọng H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp bản tự khai nên không có lời khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà H và ông H1 đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H.

Về con chung: Theo Bà H trình bày có 01 (một) con chung là cháu Đinh Trọng Hoài N1, sinh năm 01/02/2010, ly hôn Bà H có nguyện vọng được nuôi con chung và cháu Nam cũng có lời khai muốn được ở với Bà H.

Do đó, giao cháu Đinh Trọng Hoài N1 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Đinh Trọng H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do không có lời khai của ông H1, còn Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Do không có lời khai của ông H1, còn Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Đinh Trọng H1 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: 59/65A, tổ 13, khu phố 1, phường QV, thành phố BH, tỉnh ĐN và hiện nay ông H1 đang sinh sống tại địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin vắng mặt, ông H1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không lý do nên Tòa án mở phiên tòa xét xử là đúng quy định.

[3]Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã xã CĐ, huyện ĐH, tỉnh PT cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 21 ngày 03/11/2008 nên được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 là có thật. Ông H1 được Tòa án triệu tập đến Tòa án nhiều lần nhưng vắng mặt, thể hiện sự bỏ mặc, không quan tâm đến việc hàn gắn cùng bà H. Tòa án đã thuyết phục nhưng bà H cương quyết xin ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với ông H1, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H, ông H1 đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung cháu Đinh Trọng Hoài N1, sinh ngày 01/02/2010 bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nam và cũng có nguyện vọng chung sống cùng với bà H nên giao con chung cháu Đinh Trọng Hoài N1, sinh ngày 01/02/2010 cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời ông H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do không có lời khai của ông H1, còn bà H khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Do không có lời khai của ông H1, còn bà H khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Trọng H1.

2. Về con chung: Giao 01 con chung cháu Đinh Trọng Hoài N1, sinh ngày 01/02/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Đinh Trọng H1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đinh Trọng H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: không có ý kiến ông H1 về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn yêu cầu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, theo biên lai thu số 0000418 ngày 15/3/2021.

5. Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Trọng H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP BH (2);
- THADS TP BH (1);
- TAND tỉnh ĐN (1);
- UBND phường HN,
TP. BH, tỉnh ĐN (1);
- Đường sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1)

Phạm Thị B

